TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N,** **THÀNH PHỐ C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2025/QĐST-KDTM	*N, ngày 25 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ C

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17/6/2025, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 34/2025/TLST-KDTM ngày 08/4/2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (B). Trụ sở chi nhánh Đ1: Số E V, phường T, quận N, thành phố C.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí L, hoặc ông Tiêu Thành H, hoặc ông Tô Quốc H1. *(Quyết định số 125/QĐ-BIDV.ĐBSCL ngày 28/02/2025 Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1 về việc ủy quyền tham gia tố tụng)*

- Bị đơn: Công ty cổ phần T. Trụ sở: Số A, tỉnh lộ 28, phường P, thành phố H, tỉnh K.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Chu S, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số A, Khu phố B, phường P, thành phố H, tỉnh K. *(Hợp đồng ủy quyền số công chứng 001455 quyển số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/6/2025 của Văn phòng C)*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Chu S, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Số A, Khu phố B, phường P, thành phố H, tỉnh K.

2/ Bà Bùi Lê G, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Tổ A, Khu phố B, phường P,

thành phố H, tỉnh K.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty cổ phần T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký tính đến ngày 16/6/2025 có tổng số nợ gốc và lãi là: 47.527.570.667 đồng (bốn mươi bảy tỷ, năm trăm hai mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

(Trong đó, nợ gốc là 33.749.149.928 đồng, nợ lãi là 10.272.579.310 đồng, lãi phạt là 3.505.841.429 đồng).

Thời gian và phương thức thực hiện do các bên tự thoả thuận, nếu không thống nhất sẽ yêu cầu cơ quan thi hành án giải quyết.

Nếu không thanh toán dứt điểm nợ, thì từ ngày 17/6/2025 buộc bị đơn phải tiếp tục trả nợ gốc và lãi phát sinh tương ứng với số tiền chậm thi hành án theo các Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký cho đến khi Công ty thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng.

Trường hợp Công ty cổ phần T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi. Tài sản bảo đảm để bảo đảm thi hành án gồm:

STT	Loại tài sản	Giấy chứng nhận quyền sở hữu/quyền sử dụng	Địa chỉ tài sản	Đặc điểm tài sản	Bên đảm bảo
1	Quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và TSKGL với đất số BD340684 (CH-01007) do Ủy ban nhân nhân TX H cấp ngày 25/7/2011	Khu phố II, Phường P, TX H, Tỉnh K	Thửa đất số 62; tờ bản đồ số 13. Diện tích: 4.124,9m² (Trong đó: Đất ở đô thị (200m²), Đất trồng cây lâu năm (3.924,9m²))	*ông Nguyễn Chu S (CMND số 371978279)*
2	Quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và TSKGL với đất số BD340216 (CH-00604) do Ủy ban nhân nhân TX H cấp ngày 30/11/2010, có thay đổi cơ sở pháp lý được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền ngày 04/06/2013	Khu phố II, Phường P, TX H, Tỉnh K	Thửa đất số 65-66; tờ bản đồ số 13. Diện tích: 1,462,4m² (Trong đó: Đất ở đô thị (180m²),Đất lúa (1.282,4m²)). Có nhà ở với diện tích xây dựng 180m²; diện tích sàn: 180m²; kết cấu: Móng + cột BTCT, tường gạch, nền gạch, mái tole; cấp 3, số tầng 01	*ông Nguyễn Chu S (CMND số 371978279)*

STT	Loại tài sản	Giấy chứng nhận quyền sở hữu/quyền sử dụng	Địa chỉ tài sản	Đặc điểm tài sản	Bên đảm bảo
3	Quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và TSKGL với đất số CE141434 (CS17721) do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh K cấp ngày 13/9/2016	Khu phố 2, Phường P, TX H, K	Thửa đất số 77; tờ bản đồ số 13. Diện tích: 200m² (Đất ở đô thị)	*ông Nguyễn Chu S (CMND số 371978279)*
4	Quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và TSKGL với đất số CE141435 (CS17723) do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh K cấp ngày 13/9/2016	Khu phố 2, Phường P, TX H, K	Thửa đất số 78; tờ bản đồ số 13. Diện tích: 183m² (Đất trồng cây lâu năm)	*ông Nguyễn Chu S (CMND số 371978279)*
5	Quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và TSKGL với đất số CE141456 (CS17722) do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh K cấp ngày 13/9/2016	Khu phố 2, Phường P, TX H, K	Thửa đất số 79; tờ bản đồ số 13.Diện tích: 200m² (Đất ở tại đô thị)	*ông Nguyễn Chu S (CMND số 371978279)*
6	Quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và TSKGL với đất số CE141457 (CS17724) do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh K cấp ngày 13/9/2016	Khu phố 2, Phường P, TX H, Tỉnh K	Thửa đất số 80; tờ bản đồ số 13. Diện tích: 433,9m² (Đất trồng cây lâu năm)	*ông Nguyễn Chu S (CMND số 371978279)*
7	Quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận QSD đất số X217438 (01865QSDĐ/PD) do Ủy ban nhân dân TX H cấp ngày 21/4/2003, có thay đổi cơ sở pháp lý được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền ngày 06/10/2014	Khu phố 2, Phường P, TX H, K	Thửa đất số 1014h; tờ bản đồ số 04 (cũ). Diện tích: 798m² (Đất trồng đước)	*ông Nguyễn Chu S (CMND số 371978279)*

STT	Loại tài sản	Giấy chứng nhận quyền sở hữu/quyền sử dụng	Địa chỉ tài sản	Đặc điểm tài sản	Bên đảm bảo
8	Phà tự hành vận chuyển xe và hàng hóa	Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 54636/ĐK do Sở Giao thông Vận tải Tỉnh K cấp ngày 21/08/2020; Số đăng ký KG-99999	-	Tên phương tiện: K 03; Số đăng ký: KG-99999. Cấp phương tiện: VR-SB; Công dụng: chở hàng trên boong. Trọng tải toàn phần: 768,8 tấn	*Công ty CPTM-DV K (Giấy CNĐKKD số172034562)*

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Ngân hàng TMCP Đ (B) được nhận lại 71.165.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005883 ngày 20/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố C.

Công ty cổ phần T phải chịu án phí 77.763.000 đồng *(bảy mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi ba ngàn đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố C (đã làm tròn số).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND thành phố C;
-VKSND thành phố C;
-Chi cục THADS quận N;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký